

NỘI DUNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2021 – 2022

MÔN: GDCD – **KHỐI 11**

Lưu ý:

- Nội dung ôn tập này được khái quát dựa trên tài liệu thống nhất đã được gửi đến học sinh thông qua website của Trường THPT Marie Curie, học sinh đã chép vào tập. Do vậy, học sinh có thể học theo tài liệu này hoặc đánh dấu các nội dung cần học vào tập chép (và học theo tập chép).
- Học sinh **không nhất thiết phải học thuộc lòng**, mà nên nắm vững **hệ thống các từ khóa** thông qua bài giảng của giáo viên, từ đó có thể dễ dàng giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm khách quan ở các mức độ nhận thức.

BÀI 1- CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

I. SẢN XUẤT CỦA CẢI VẬT CHẤT

1. Sản xuất của cải vật chất

Là sự tác động của con người vào tự nhiên làm biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

2. Vì sao phải sản xuất của cải vật chất? (vai trò)

- Sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại của xã hội.
- Sản xuất của cải vật chất quyết định mọi mặt của đời sống xã hội.

Như vậy, sản xuất của cải vật chất giữ vai trò là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội, xét đến cùng quyết định toàn bộ sự vận động của đời sống xã hội.

II. CÁC YẾU TỐ CƠ BẢN CỦA QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

1. Sức lao động

- Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.
- Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

Điểm khác giữa lao động và sức lao động: sức lao động là ở dạng khả năng của lao động, lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực.

2. Đối tượng lao động

❖ **Khái niệm:** Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

❖ **Phân loại:** Đối tượng lao động chia thành **hai** loại:

- Loại có sẵn trong tự nhiên (đối tượng lao động của các ngành công nghiệp khai thác)
- Loại đã qua tác động của lao động (nguyên liệu) (đối tượng lao động của ngành công nghiệp chế biến)

3. Tư liệu lao động

❖ **Khái niệm:** Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền tải sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người.

❖ **Phân loại:** Tư liệu lao động được chia làm **3 loại**:

- Công cụ lao động (công cụ sản xuất).
- Hệ thống bình chứa của sản xuất.
- Kết cấu hạ tầng của sản xuất (phát triển kết cấu hạ tầng của sản xuất phải đi trước một bước so với sản xuất trực tiếp).

✓ Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động thì công cụ lao động là yếu tố quan trọng nhất. Là một trong những căn cứ cơ bản để phân biệt các thời đại kinh tế.

✓ Một vật có thể vừa là đối tượng lao động, vừa là tư liệu lao động (tùy thuộc vào **mục đích** sử dụng, **chức năng** vật đó đảm nhận trong quá trình sản xuất).

BÀI 2 - HÀNG HOÁ - TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG

I. HÀNG HOÁ

1. Khái niệm

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua bán./.

❖ **Ba điều kiện để một sản phẩm trở thành hàng hóa:**

- Do lao động tạo ra;
- Có công dụng nhất định để thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người;
- Phải thông qua trao đổi, mua – bán ./.

❖ **Có hai dạng hàng hóa:**

- Dạng vật thể (hàng hóa hữu hình).
- Dạng phi vật thể (hàng hóa dịch vụ).

2. Hai THUỘC TÍNH của hàng hóa

- **Giá trị sử dụng:** là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người (nhu cầu tiêu dùng cá nhân, nhu cầu cho sản xuất).
- **Giá trị của hàng hóa:** là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa.

II. TIỀN TỆ

2. CHỨC NĂNG của tiền tệ

❖ **Chức năng 1: Thước đo giá trị**

- Tiền tệ thực hiện chức năng giá trị khi tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.
- Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả hàng hóa.
- Giá cả của hàng hóa được **quyết định** bởi **3** yếu tố: giá trị hàng hóa; giá trị tiền tệ; quan hệ cung - cầu hàng hóa.

Do vậy

- Trên thị trường, giá cả có thể bằng, cao hoặc thấp hơn giá trị.
- Nếu các điều kiện khác không thay đổi, giá trị hàng hóa cao thì giá cả của nó cao và ngược lại.

❖ **Chức năng 2: Phương tiện lưu thông**

- Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa: $H - T - H$.
 - + $H - T$: quá trình bán.
 - + $T - H$: quá trình mua.

❖ **Chức năng 3: Phương tiện cất trữ**

- Tiền rút khỏi lưu thông, đem cất trữ, khi cần sẽ sử dụng.
- Tiền là đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị → cất trữ tiền là cất trữ của cải.
- Điều kiện cất trữ: tiền phải đủ giá trị (tiền vàng, của cải bằng vàng).

❖ **Chức năng 4: Phương tiện thanh toán**

- Tiền dùng để chi trả sau giao dịch, mua bán;
- Giúp quá trình mua bán diễn ra nhANH hơn;
- Tạo sự phụ thuộc giữa người sản xuất và trao đổi hàng hóa.

❖ **Chức năng 5: Tiền tệ thế giới**

- Khi trao đổi hàng hóa ra khỏi phạm vi quốc gia, tiền làm chức năng tiền tệ thế giới.
- Tiền trao đổi phải là tiền vàng, tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế.
- Việc trao đổi tiền giữa các nước thực hiện theo tỉ giá hối đoái

III. THỊ TRƯỜNG

1. Thị trường là gì?

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

❖ **Các dạng của thị trường:**

- Thị trường giản đơn: nơi diễn ra việc trao đổi, mua bán gắn với không gian, thời gian nhất định.
- Thị trường phức tạp (hiện đại): nơi hoạt động mua, bán diễn ra linh hoạt thông qua hình thức môi giới, trung gian, quảng cáo để khai thông quan hệ mua bán, kí kết hợp đồng kinh tế.

❖ **Các nhân tố của thị trường:** hàng hóa; tiền tệ; người mua; người bán.

❖ **Các quan hệ trên thị trường:** hàng hóa-tiền tệ, mua-bán, cung-cầu, giá cả.

2. Các CHỨC NĂNG cơ bản của thị trường

❖ **Chức năng thực hiện** (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa

- Thị trường là nơi kiểm tra cuối cùng về chủng loại, hình thức, mẫu mã, số lượng, chất lượng hàng hóa.
- Hàng hóa nào thích hợp với nhu cầu của xã hội sẽ bán được.

→ Những chi phí để sản xuất ra hàng hóa đó được xã hội *chấp nhận*, giá trị của hàng hóa được *thực hiện*.

❖ **Chức năng thông tin**

- Thị trường cung cấp cho chủ thể kinh tế những thông tin về quy mô cung – cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại... các hàng hóa, dịch vụ.

- Là căn cứ quan trọng giúp người bán đưa ra quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận; giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.

❖ **Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng**

- **Điều tiết sản xuất và lưu thông:**

+ Nguyên nhân điều tiết: do sự biến động của cung – cầu, giá cả trên thị trường.

+ Hướng điều tiết: phân phối các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác; luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác.

- **Kích thích, hạn chế sản xuất và tiêu dùng:**

+ Khi giá cả hàng hóa **tăng** sẽ kích thích sản xuất, nhưng nhu cầu người tiêu dùng sẽ bị hạn chế;

+ Khi giá cả hàng hóa **giảm** sẽ kích thích tiêu dùng và hạn chế việc sản xuất.

Ý nghĩa: hiệu và vận dụng được các chức năng của thị trường giúp người sản xuất và người tiêu dùng giành được lợi ích kinh tế lớn nhất.

BÀI 3 - QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. NỘI DUNG của quy luật giá trị

❖ **Nội dung:** Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

❖ **Biểu hiện của nội dung quy luật giá trị**

• **Trong sản xuất:** quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo thời gian lao động cá biệt phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

Trong đó:

- Thời gian lao động cá biệt là thời gian lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa của từng người.

- Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa là thời gian cần thiết cho bất cứ lao động nào tiến hành với một trình độ thành thạo trung bình và một cường độ trung bình, trong những điều kiện trung bình so với hoàn cảnh xã hội nhất định.

❖ **Trong lưu thông:** việc trao đổi hàng hóa phải dựa trên thời gian lao động xã hội cần thiết theo quy tắc ngang giá.

Chú ý: Do ảnh hưởng của cạnh tranh, cung cầu, giá cả có thể cao hoặc thấp hơn giá trị, nhưng bao giờ giá cả hàng hóa cũng vận động xoay quanh trục giá trị hàng hóa hay xoay quanh trục thời gian lao động xã hội cần thiết.

2. TÁC ĐỘNG của quy luật giá trị

❖ **Tác động 1:** Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua giá cả trên thị trường

- Phân phối các yếu tố sản xuất và sức lao động từ ngành này sang ngành khác.

- Phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác, mặt hàng này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi lãi ít hoặc không lãi sang nơi có lãi nhiều thông qua sự biến động giá cả.

❖ **Tác động 2:** Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên

- Hàng hóa được sản xuất có giá trị cá biệt khác nhau, nhưng lại được mua bán theo giá trị xã hội của hàng hóa (TGLĐXHCT).

- Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận phải cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề, hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm, để giá trị cá biệt của hàng hóa thấp hơn giá trị xã hội.

→ Kết quả, làm cho kỹ thuật, lực lượng sản xuất, năng suất lao động tăng lên.

Tác động 3: Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

Thông qua sự chọn lọc tự nhiên, sự tác động của quy luật giá trị có tính hai mặt:

- Mặt tích cực: thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển từ thấp đến cao.

- Mặt hạn chế: gây thua lỗ, dẫn đến sự phân hóa giàu – nghèo.

BÀI 4 - CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Khái niệm

- Cạnh tranh là sự **ganh đua**, đấu tranh giữa các **chủ thể kinh tế** trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những **điều kiện thuận lợi** để thu được nhiều lợi nhuận.
- Nội dung **cốt lõi** của cạnh tranh thể hiện ở **3 khía cạnh**: tính chất cạnh tranh,; các chủ thể kinh tế tham gia cạnh tranh; mục đích của cạnh tranh.

2. Nguyên nhân cạnh tranh

- Do sự tồn tại của nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh.
- Các chủ sở hữu có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

3. Mục đích của cạnh tranh: nhằm giành lợi nhuận về phía mình nhiều hơn người khác.

Biểu hiện:

- Giành nguyên liệu.
- Giành ưu thế khoa học công nghệ;
- Giành thị trường, nơi đầu tư, hợp đồng, đơn đặt hàng;
- Giành ưu thế về chất lượng, giá cả...

4. Tính hai mặt của cạnh tranh

- **Mặt tích cực**: đóng vai trò là **động lực kinh tế** của sản xuất và lưu thông hàng hóa vì:

- + Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học – kỹ thuật phát triển → năng suất tăng.
- + Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.
- + Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động hội nhập.

Chú ý: Cạnh tranh hợp pháp + mặt tích cực = cạnh tranh lành mạnh.

- **Mặt hạn chế**

- + Chạy theo lợi nhuận thiếu ý thức → khai thác quá mức tài nguyên → môi sinh suy thoái, mất cân bằng.
- + Sử dụng thủ đoạn phi pháp, bất lương.
- + Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.

Chú ý: Cạnh tranh phi pháp + mặt hạn chế = cạnh tranh không lành mạnh.

Trong đó, mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội, mặt hạn chế sẽ được Nhà nước điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và các chính sách phù hợp.